

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN**

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

9 tháng đầu năm 2012

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012

Mẫu B 01a-DN

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN                                        | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                    | <b>100</b> |             | <b>109.362.009.484</b> | <b>107.565.469.913</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>   | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>52.383.187.870</b>  | <b>71.714.690.471</b>  |
| 1. Tiền                                        | 111        |             | 11.645.968.963         | 10.398.488.511         |
| 2. Các khoản tương đương tiền                  | 112        |             | 40.737.218.907         | 61.316.201.960         |
| <b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b> | <b>120</b> |             | <b>5.000.000.000</b>   | <b>4.000.000.000</b>   |
| Đầu tư ngắn hạn                                | 121        | V.2         | 5.000.000.000          | 4.000.000.000          |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>        | <b>130</b> |             | <b>35.905.313.445</b>  | <b>18.890.325.629</b>  |
| 1. Phải thu khách hàng                         | 131        | V.3         | 17.512.484.136         | 2.851.527.567          |
| 2. Trả trước cho người bán                     | 132        | V.4         | 15.252.522.219         | 12.774.769.235         |
| 3. Các khoản phải thu khác                     | 135        | V.5         | 4.339.941.083          | 4.470.059.080          |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi          | 139        | V.6         | (1.199.633.993)        | (1.206.030.253)        |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                        | <b>140</b> |             | <b>10.399.366.515</b>  | <b>10.888.569.928</b>  |
| Hàng tồn kho                                   | 141        | V.7         | 10.399.366.515         | 10.888.569.928         |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                | <b>150</b> |             | <b>5.674.141.654</b>   | <b>2.071.883.885</b>   |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                  | 151        | V.8         | 130.505.001            | 163.334.167            |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ         | 152        |             | 5.308.134.866          | 1.609.269.453          |
| 3. Tài sản ngắn hạn khác                       | 158        | V.9         | 235.501.787            | 299.280.265            |
| <b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                     | <b>200</b> |             | <b>210.018.699.097</b> | <b>168.963.082.307</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>           | <b>210</b> |             | -                      | -                      |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                     | <b>220</b> |             | <b>209.397.033.948</b> | <b>168.342.667.158</b> |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                    | 221        | V.10        | 161.402.577.459        | 146.320.284.361        |
| Nguyên giá                                     | 222        |             | 445.135.725.710        | 406.379.317.136        |
| Giá trị hao mòn lũy kế                         | 223        |             | (283.733.148.251)      | (260.059.032.775)      |
| 2. Tài sản cố định vô hình                     | 227        | V.11        | 967.815.216            | 1.025.173.076          |
| Nguyên giá                                     | 228        |             | 2.175.752.333          | 1.816.219.333          |
| Giá trị hao mòn lũy kế                         | 229        |             | (1.207.937.117)        | (791.046.257)          |
| 3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang             | 230        | V.12        | 47.026.641.273         | 20.997.209.721         |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                | <b>240</b> |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>  | <b>250</b> |             | <b>8.330.000</b>       | <b>7.080.000</b>       |
| Đầu tư dài hạn khác                            | 258        |             | 8.330.000              | 7.080.000              |
| <b>V. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |             | <b>613.335.149</b>     | <b>613.335.149</b>     |
| Chi phí trả trước dài hạn                      | 261        |             | 613.335.149            | 613.335.149            |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                       | <b>270</b> |             | <b>319.380.708.581</b> | <b>276.528.552.220</b> |

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

9 tháng đầu năm 2012

| NGUỒN VỐN                                     | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|-----------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>                        | <b>300</b> |             | <b>149.697.275.261</b> | <b>98.344.932.507</b>  |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                         | <b>310</b> |             | <b>125.614.499.259</b> | <b>74.864.039.871</b>  |
| 1. Phải trả người bán                         | 312        | V.13        | 51.500.580.915         | 5.175.486.287          |
| 2. Người mua trả tiền trước                   | 313        | V.14        | 7.202.346.032          | 1.306.112.603          |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước        | 314        | V.15        | 7.226.894.250          | 8.645.402.939          |
| 4. Phải trả người lao động                    | 315        |             | 10.424.406.785         | 12.881.484.637         |
| 5. Chi phí phải trả                           | 316        | V.16        | 11.432.165.865         | 10.773.663.873         |
| 6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319        | V.17        | 36.016.366.721         | 34.658.717.324         |
| 7. Quỹ khen thưởng phúc lợi                   | 323        | V.18        | 1.811.738.691          | 1.423.172.208          |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                         | <b>330</b> |             | <b>24.082.776.002</b>  | <b>23.480.892.636</b>  |
| 1. Phải trả dài hạn khác                      | 333        | V.19        | 16.390.779.565         | 14.961.245.641         |
| 2. Vay và nợ dài hạn                          | 334        | V.20        | 7.184.524.246          | 7.864.508.054          |
| 3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm              | 336        |             | 507.472.191            | 655.138.941            |
| <b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>               | <b>400</b> | <b>V.21</b> | <b>169.683.433.320</b> | <b>178.183.619.713</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                      | <b>410</b> |             | <b>169.683.433.320</b> | <b>178.183.619.713</b> |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu                  | 411        | V.21        | 130.000.000.000        | 130.000.000.000        |
| 2. Quỹ đầu tư phát triển                      | 417        | V.21        | 18.544.611.050         | 17.652.353.119         |
| 3. Quỹ dự phòng tài chính                     | 418        | V.21        | 8.014.728.761          | 5.522.531.743          |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối          | 420        | V.21        | 13.124.093.509         | 25.008.734.851         |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>         | <b>430</b> |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                    | <b>440</b> |             | <b>319.380.708.581</b> | <b>276.528.552.220</b> |

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| CHỈ TIÊU           | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------|-------------|-------------|------------|
| Ngoại tệ các loại: |             |             |            |
| Dollar Mỹ (USD)    |             |             |            |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2012



LÊ TRỌNG HIẾU  
Giám đốc

LẠI THỊ THU  
Kế toán trưởng

VŨ THỊ NHƯ QUỲNH  
Người lập biểu



# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 3 năm 2012

| CHỈ TIÊU |                                                 | Quý 3           |                 | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 3 |                 | Đơn vị tính: VND |
|----------|-------------------------------------------------|-----------------|-----------------|----------------------------------|-----------------|------------------|
|          |                                                 | Năm 2012        | Năm 2011        | Năm 2012                         | Năm 2011        |                  |
| Mã số    | Thuyết minh                                     |                 |                 |                                  |                 |                  |
| 1        | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 166.750.047.801 | 143.706.848.253 | 481.388.132.186                  | 420.238.325.468 |                  |
| 2        | Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 63.857.794      | 142.219.437     | 179.343.888                      | 212.499.561     |                  |
| 10       | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 166.686.190.007 | 143.564.628.816 | 481.208.788.298                  | 420.025.825.907 |                  |
| 11       | Giá vốn hàng bán                                | 157.238.535.752 | 131.336.290.382 | 450.455.657.994                  | 380.652.515.297 |                  |
| 20       | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 9.447.654.255   | 12.228.338.434  | 30.753.130.304                   | 39.373.310.610  |                  |
| 21       | Doanh thu hoạt động tài chính                   | 946.887.613     | 1.277.904.441   | 4.587.983.064                    | 5.382.223.424   |                  |
| 22       | Chi phí tài chính                               | 147.719.973     | 187.858.360     | 454.951.960                      | 605.793.909     |                  |
| 23       | Trong đó: chi phí lãi vay                       |                 |                 | 454.951.960                      | 605.793.909     |                  |
| 24       | Chi phí bán hàng                                | 2.065.117.258   | 1.847.504.310   | 6.794.120.562                    | 4.578.655.090   |                  |
| 25       | Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 3.951.962.167   | 7.580.391.957   | 11.724.801.854                   | 15.905.503.644  |                  |
| 30       | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh         | 4.229.742.470   | 3.890.488.248   | 16.367.238.992                   | 23.665.581.391  |                  |
| 31       | Thu nhập khác                                   | 160.870.877     | 302.365.147     | 512.921.712                      | 298.664.494     |                  |
| 32       | Chi phí khác                                    | 24.849.045      | 177.788.280     | 299.139.422                      | 254.278.657     |                  |
| 40       | Lợi nhuận khác                                  | 136.021.832     | 124.576.867     | 213.782.290                      | 44.385.837      |                  |
| 50       | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế               | 4.365.764.302   | 4.015.065.115   | 16.581.021.282                   | 23.709.967.228  |                  |
| 51       | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành    | 924.772.139     | 595.930.908     | 3.543.692.445                    | 3.164.571.088   |                  |
| 52       | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại     |                 |                 |                                  |                 |                  |
| 60       | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp        | 3.440.992.163   | 3.419.134.207   | 13.037.328.837                   | 20.545.396.140  |                  |
| 70       | Lãi cơ bản trên cổ phiếu                        | 265             | 263             | 1.003                            | 1.580           |                  |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2012



LÊ TRỌNG HIỆU - Giám đốc

LẠI THỊ THU - Kế toán trưởng

VŨ THỊ NHƯ QUỲNH - Lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN**

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

9 tháng đầu năm 2012

Mẫu B 01a-DN

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                                                            | Mã số | Thuyết minh | 9 tháng đầu năm 2012 | 9 tháng đầu năm 2011 |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------------|----------------------|----------------------|
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                                   |       |             |                      |                      |
| Lợi nhuận trước thuế                                                                | 01    |             | 16,581,021,282       | 23,709,967,228       |
| Điều chỉnh cho các khoản                                                            |       |             |                      |                      |
| - Khấu hao tài sản cố định                                                          | 02    |             | 24,091,006,336       | 20,869,595,565       |
| - Các khoản dự phòng                                                                | 03    |             | (6,396,260)          | -                    |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư                                                       | 05    |             | (4,587,983,064)      | (5,382,223,424)      |
| - Chi phí lãi vay                                                                   | 06    |             | 454,951,960          | 605,793,909          |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                       | 08    |             | 36,532,600,254       | 39,803,133,278       |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu                                                     | 09    |             | (21,563,161,973)     | 14,486,948,085       |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho                                                           | 10    |             | (1,120,554,500)      | (2,787,832,067)      |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp) | 11    |             | 29,906,141,583       | 32,579,267,066       |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước                                                      | 12    |             | 32,829,166           | (33,321,119)         |
| - Tiền lãi vay đã trả                                                               | 13    |             | (454,951,960)        | (605,793,909)        |
| - Thuế thu nhập đã nộp                                                              | 14    |             | (5,217,986,683)      | (3,310,169,712)      |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                             | 15    |             | 35,000,000           | 24,000,000           |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh                                             | 16    |             | 3,631,047,230        | (1,515,538,141)      |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh                                       | 20    |             | 41,780,963,117       | 78,640,693,481       |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                                      |       |             |                      |                      |
| - Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                    | 21    |             | (47,391,599,971)     | (32,022,077,103)     |
| - Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                              | 23    |             | (1,000,000,000)      | 27,000,000,000       |
| - Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                               | 27    |             | 5,510,368,061        | 5,382,223,424        |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư                                           | 30    |             | (42,882,481,910)     | 360,146,321          |
| <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>                                  |       |             |                      |                      |
| - Tiền chi trả nợ gốc vay                                                           | 34    |             | (927,733,966)        | (2,816,522,415)      |
| - Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                                           | 36    |             | (17,550,000,000)     | (13,000,000,000)     |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính                                        | 40    |             | (18,229,983,808)     | (15,816,522,415)     |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ                                                      | 50    |             | (19,331,502,601)     | 63,184,317,387       |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ                                                     | 60    |             | 71,714,690,471       | 17,448,150,338       |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                             | 61    |             | -                    | -                    |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ                                                    | 70    | VI.1        | 52,383,187,870       | 80,632,467,725       |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2012



*[Signature]*  
LẠI THỊ THU  
Kế toán trưởng

*[Signature]*  
VŨ THỊ NHƯ QUỲNH  
Người lập biểu



# **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN**

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

9 tháng đầu năm 2012

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2012**

**Mẫu B 09a-DN**

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2012 của Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn (gọi tắt là "Công ty").

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, thương mại
3. **Ngành, nghề kinh doanh** : Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất;  
Tư vấn xây dựng công trình cấp nước – dân dụng – công nghiệp (trừ khảo sát xây dựng, giám sát thi công);  
Xây dựng công trình cấp nước;  
Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;  
Lập dự án;  
Thẩm tra thiết kế;  
Tái lập mặt đường đối với công trình chuyên ngành cấp nước;  
Giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước;  
Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành cấp nước;  
Đại lý ký gửi hàng hóa./.

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012 thuộc năm tài chính thứ 06 của Công ty kể từ khi chuyển sang công ty cổ phần.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### **III. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN**

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

9 tháng đầu năm 2012

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### **IV. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

##### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

##### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

#### **V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

##### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

##### **2. Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ báo cáo cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ báo cáo. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **3. Công cụ tài chính**

###### Ghi nhận ban đầu

###### ***Tài sản tài chính***

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, khoản ký quỹ ngắn hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2012

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản trả khác.

### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

### **4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### **5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào Chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

### **6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

### **7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2012

#### Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

|                          | <u>Số năm</u> |
|--------------------------|---------------|
| Nhà xưởng, vật kiến trúc | 06 - 25       |
| Máy móc thiết bị         | 05 - 10       |
| Thiết bị văn phòng       | 05 - 08       |
| Phương tiện vận tải      | 06 - 10       |
| Phương tiện truyền dẫn   | 10            |

#### 8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định của Công ty thể hiện phần mềm máy tính.

##### *Phần mềm máy tính*

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

#### 9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí đầu tư cho dự án đầu tư đường ống dẫn nước chưa hoàn thành bao gồm toàn bộ chi phí khảo sát thiết kế, mua mới thiết bị, chi phí xây dựng... liên quan đến hệ thống đường ống dẫn nước phục vụ cho mục đích kinh doanh của Công ty.

#### 10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ. Chi phí phải trả của Công ty bao gồm:

Trích trước chi phí phải trả cho nhà thầu theo giá dự toán đối với công trình xây dựng cơ bản tạm tăng tài sản cố định khi có nghiệm thu đưa vào sử dụng nhưng chưa được quyết toán.

Trích trước chi phí gấn Đồng hồ nước và cài tạo ống mục đã thực hiện nhưng chưa quyết toán.

#### 11. Nguồn vốn kinh doanh - Các quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

#### 12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu của hoạt động cấp nước được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN**

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

9 tháng đầu năm 2012

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### **13. Ghi nhận chi phí**

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

#### **14. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

#### **15. Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### **16. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2012

#### Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### 17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

#### 1. Tiền

|                                | Số dư 30/9/2012       | Số dư 01/01/2012      |
|--------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt                       | 10.311.266            | 38.281.904            |
| Tiền gửi ngân hàng             | 11.635.657.697        | 10.360.206.607        |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 40.737.218.907        | 61.316.201.960        |
| <b>Cộng</b>                    | <b>52.383.187.870</b> | <b>71.714.690.471</b> |

(\*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 9%/ năm đến 12%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: lãi suất 14%/năm).

#### 2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

|                                    |                      |                      |
|------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền gửi có kỳ hạn từ 4 – 12 tháng | 5.000.000.000        | 4.000.000.000        |
| <b>Cộng</b>                        | <b>5.000.000.000</b> | <b>4.000.000.000</b> |

#### 3. Phải thu khách hàng

|                                                         |                       |                      |
|---------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Các khách hàng liên quan đến dịch vụ cung cấp nước khác | 17.512.484.136        | 2.851.527.567        |
| <b>Cộng</b>                                             | <b>17.512.484.136</b> | <b>2.851.527.567</b> |

#### 4. Trả trước người bán

|                                            | Số dư 30/9/2012 | Số dư 01/01/2012 |
|--------------------------------------------|-----------------|------------------|
| Công ty TNHH Đăng Hưng                     | 563.327.750     | 563.327.750      |
| Công ty CP Đầu tư & XD Trường An           | 305.953.962     | 305.953.962      |
| Công ty CP Cơ khí Công trình Cấp Nước      | 868.075.619     | 1.708.484.035    |
| Công ty CP Tư vấn XD Cấp Nước              | 742.940.207     | 209.493.136      |
| Công ty TNHH XDBCN & Đường Ống Hoàng Thăng | 810.821.820     | 810.821.820      |
| Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn              | -               | 50.470.764       |
| Công ty TNHH Hải Hoàng Dương               | 3.059.266.295   | 1.105.915.744    |
| Trung tâm thông nghệ thông tin Địa Lí      | -               | 112.392.390      |
| Công ty TNHH TM XD Việt Long               | 4.104.859.814   | 4.192.970.552    |
| Công ty CP Đầu tư Vạn Phúc Hưng            | -               | 1.708.335.004    |



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

|                                                               | Số dư 30/9/2012       | Số dư 01/01/2012      |
|---------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| CN Công ty CP TVĐT&TKXD VNam (CTy TNHH TVTKXD MNam)           | 776.918.663           | 465.728.930           |
| CN Tổng công ty Cơ Điện - XDNN                                | 348.040.000           | 348.040.000           |
| Công ty CP ĐT XD & TM Thái Bình Dương                         | -                     | 295.373.008           |
| Công ty quản lý CTGT Sài Gòn                                  | -                     | -                     |
| Công ty TNHH CTCTN&HT Đ.Thị M.A.T                             | -                     | -                     |
| Cty TNHH Đan Vi                                               | 1.752.886.404         |                       |
| Các nhà cung cấp khác                                         | 1.919.431.685         | 897.462.140           |
| <b>Cộng</b>                                                   | <b>15.252.522.219</b> | <b>12.774.769.235</b> |
| <b>5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>                    |                       |                       |
| Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn                                 | 2.922.745.497         | 2.952.621.965         |
| Ngân hàng Ngoại Thương                                        | -                     | 63.000.000            |
| Ngân hàng NN và PT Nông Thôn CN Hoà Bình                      | -                     | 157.022.474           |
| Ngân hàng Phương Nam CN Hồng Bàng                             | -                     | 91.388.889            |
| Ngân hàng Tín Nghĩa                                           | -                     | 512.237.247           |
| Ngân hàng TM CP An Bình                                       | -                     | 100.736.217           |
| Phải thu về khoản cho mượn vật tư                             | 1.340.692.997         | 233.549.680           |
| Phải thu các đối tượng khác                                   | 76.502.589            | 359.502.608           |
| <b>Cộng</b>                                                   | <b>4.339.941.083</b>  | <b>4.470.059.080</b>  |
| <b>6. Dự phòng phải thu khó đòi</b>                           |                       |                       |
| Dự phòng phải thu quá hạn thanh toán trên 1 năm và dưới 2 năm | 581.477.065           | 581.477.065           |
| Dự phòng phải thu quá hạn thanh toán trên 2 năm và dưới 3 năm | -                     | -                     |
| Dự phòng phải thu quá hạn thanh toán trên 3 năm               | 618.156.928           | 624.553.188           |
| <b>Cộng</b>                                                   | <b>1.199.633.993</b>  | <b>1.206.030.253</b>  |
| <b>7. Hàng tồn kho</b>                                        |                       |                       |
| Nguyên liệu, vật liệu                                         | 10.313.931.487        | 10.802.840.287        |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang                          | 85.435.028            | 85.729.642            |
| <b>Cộng</b>                                                   | <b>10.399.366.515</b> | <b>10.888.569.928</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 8. Chi phí trả trước ngắn hạn

|                                   |                    |             |
|-----------------------------------|--------------------|-------------|
| Số dư 01/01/2012                  |                    | 163.334.167 |
| Số phát sinh tăng trong kỳ        | 488.952.000        |             |
| Số phân bổ trong kỳ               | 521.781.166        |             |
| Số chờ phân bổ chuyển sang kỳ sau | <u>130.505.001</u> |             |

#### 9. Tài sản ngắn hạn khác

|                                            | <u>Số dư 30/9/2012</u> | <u>Số dư 01/01/2012</u> |
|--------------------------------------------|------------------------|-------------------------|
| Tài sản thiếu chờ xử lý                    | -                      | -                       |
| Tạm ứng                                    | 83.967.800             | 20.000.000              |
| Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 151.533.987            | 279.280.265             |
| Cộng                                       | <u>235.501.787</u>     | <u>299.280.265</u>      |



# **CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP NƯỚC CHỢ LỚN**

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

9 tháng đầu năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## **10. Tài sản cố định hữu hình**

| Khoản mục                                                                    | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị    | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị quản lý     | Cộng                   |
|------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------|---------------------------------|----------------------|------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                                                            |                        |                      |                                 |                      |                        |
| Số dư 01/01/2012                                                             | 2.036.875.500          | 1.798.888.679        | 397.242.100.094                 | 5.301.452.863        | 406.379.317.136        |
| Tăng trong kỳ                                                                | -                      | 57.500.000           | 37.872.738.755                  | 826.169.819          | 38.756.408.574         |
| Mua trong năm                                                                | -                      | 57.500.000           | -                               | 826.169.819          | 883.669.819            |
| Đầu tư XD/CB hoàn thành                                                      | -                      | -                    | 37.872.738.755                  | -                    | 37.872.738.755         |
| Giảm trong kỳ                                                                | -                      | -                    | -                               | -                    | -                      |
| <b>Số dư 30/09/2012</b>                                                      | <b>2.036.875.500</b>   | <b>1.856.388.679</b> | <b>435.114.838.849</b>          | <b>6.127.622.682</b> | <b>445.135.725.710</b> |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>                                                |                        |                      |                                 |                      |                        |
| Số dư 01/01/2012                                                             | 1.370.310.133          | 1.508.427.559        | 254.035.066.471                 | 3.145.228.612        | 260.059.032.775        |
| Khấu hao trong kỳ                                                            | 53.300.673             | 55.423.692           | 22.835.214.351                  | 730.176.760          | 23.674.115.476         |
| Giảm trong kỳ                                                                | -                      | -                    | -                               | -                    | -                      |
| <b>Số dư 30/09/2012</b>                                                      | <b>1.423.610.806</b>   | <b>1.563.851.251</b> | <b>276.870.280.822</b>          | <b>3.875.405.372</b> | <b>283.733.148.251</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>                                                       |                        |                      |                                 |                      |                        |
| Số dư 01/01/2012                                                             | 666.565.367            | 290.461.120          | 143.207.033.623                 | 2.156.224.251        | 146.320.284.361        |
| <b>Số dư 30/09/2012</b>                                                      | <b>613.264.694</b>     | <b>292.537.428</b>   | <b>158.244.558.027</b>          | <b>2.252.217.310</b> | <b>161.402.577.459</b> |
| <b>Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:</b> |                        |                      |                                 |                      |                        |
| Tại 01/01/2012                                                               | 260.186.500            | 1.372.100.224        | 112.589.564.329                 | 850.802.631          | 115.072.653.684        |
| Tại 30/09/2012                                                               | 260.186.500            | 1.427.600.224        | 127.319.422.368                 | 850.802.631          | 129.858.011.723        |

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 11. Tài sản cố định vô hình

|                                                                              | Phần mềm Quản lý     | Cộng TSCĐ vô hình    |
|------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| <b>I. Nguyên giá</b>                                                         |                      |                      |
| 1. Số dư 01/01/2012                                                          | 1.816.219.333        | 1.816.219.333        |
| 2. Tăng trong kỳ                                                             | 359.533.000          | 359.533.000          |
| <i>Do mua sắm</i>                                                            | <i>359.533.000</i>   | <i>359.533.000</i>   |
| 3. Giảm trong kỳ                                                             | -                    | -                    |
| <b>4. Số dư 30/09/2012</b>                                                   | <b>2.175.752.333</b> | <b>2.175.752.333</b> |
| <b>II. Hao mòn lũy kế</b>                                                    |                      |                      |
| 1. Số dư 01/01/2012                                                          | 791.046.257          | 791.046.257          |
| 2. Tăng trong kỳ                                                             | 416.890.860          | 271.921.938          |
| 3. Giảm trong kỳ                                                             | -                    | -                    |
| <b>4. Số dư 30/09/2012</b>                                                   | <b>1.207.937.117</b> | <b>1.207.937.117</b> |
| <b>III. Giá trị còn lại</b>                                                  |                      |                      |
| 1. Số dư 01/01/2012                                                          | 1.025.173.076        | 1.025.173.076        |
| <b>2. Số dư 30/09/2012</b>                                                   | <b>967.815.216</b>   | <b>967.815.216</b>   |
| <b>Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:</b> |                      |                      |
| Tại 01/01/2012                                                               | 356.125.276          | 356.125.276          |
| <b>Tại 30/09/2012</b>                                                        | <b>356.125.276</b>   | <b>356.125.276</b>   |

#### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Gồm những chi phí đầu tư vào các công trình cải tạo, sửa chữa; Các công trình phát triển mạng lưới cung cấp nước và các công trình khác. Chi tiết phát sinh tăng giảm các công trình trong năm như sau:

|                                      |                           |
|--------------------------------------|---------------------------|
| <b>Số dư 01/01/2012:</b>             | <b>20.997.209.721 VND</b> |
| Đầu tư thêm trong kỳ:                | 64.199.759.264 VND        |
| Kết chuyển Tài sản cố định trong kỳ: | 33.118.464.716 VND        |
| Kết chuyển vào chi phí trong kỳ:     | 5.051.862.996 VND         |
| <b>Số dư 30/09/2012:</b>             | <b>47.026.641.273 VND</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 13. Phải trả người bán

|                                           | Số dư 30/9/2012       | Số dư 01/01/2012     |
|-------------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn             | 30.986.658.209        | -                    |
| Công ty CP Công trình giao thông Quận 8   | 35.539.528            | 35.539.528           |
| Công ty TNHH An Phát                      | 36.212.445            | 36.212.445           |
| Công ty CP TV & ĐT Đô Thị Việt            | 10.903.195            | 6.838.750            |
| Công ty CP TM DV XD Lương Nguyễn          | -                     | 358.313.704          |
| Công ty TNHH Công Nghệ Hoá Nhựa Bông Sen  | 10.497.500            | 17.715.750           |
| Công ty QL CTGT Sài Gòn                   | 18.924.060.270        | 3.555.477.018        |
| Công ty TNHH CTCTN&HT Đô Thị M.A.T        | 439.996.843           | 555.511.691          |
| Cửa hàng VLXD Kim Phương                  | -                     | -                    |
| Công ty CP KT XD Phương Nguyễn            | -                     | -                    |
| Công ty TNHH Nước và Môi Trường           | -                     | -                    |
| Công ty CP Đại Lộc                        | -                     | -                    |
| Công ty Công trình Giao thông Công Chánh  | -                     | 43.391.855           |
| Công ty Dịch Vụ Công Ích huyện Bình Chánh | -                     | 36.268.202           |
| Công ty TNHH Đạt Đức                      | 148.124.039           | 382.274.356          |
| Phải trả người bán khác                   | 908.588.886           | 147.942.988          |
| <b>Cộng</b>                               | <b>51.500.580.915</b> | <b>5.175.486.287</b> |

### 14. Người mua trả tiền trước

|                                    |                      |                      |
|------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Truy thu tiền thất thoát nước      | 616.302.886          | 471.611.540          |
| Thu tiền nước khách hàng           | 5.848.133.146        | 75.816.378           |
| Tạm thu chi phí thiết kế ống ngành | 78.196.103           | 115.913.655          |
| Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn      | 107.839.500          | 107.839.500          |
| Các khách hàng khác                | 551.874.397          | 534.931.530          |
| <b>Cộng</b>                        | <b>7.202.346.032</b> | <b>1.306.112.603</b> |

### 15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

|                                             | Số dư 01/01/2012     | Số phải nộp trong kỳ  | Số đã nộp trong kỳ    | Số dư 30/09/2012     |
|---------------------------------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán cung cấp dịch vụ nội địa | -                    | -                     | -                     | -                    |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp                  | 2.743.162.446        | 3.543.692.445         | 5.217.986.683         | 1.068.868.208        |
| Thuế thu nhập cá nhân                       | 660.048.396          | 3.445.530.435         | 3.924.469.996         | 181.108.835          |
| Các loại thuế khác                          | 5.242.192.097        | 46.041.516.701        | 45.306.791.592        | 5.976.917.206        |
| Thuế môn bài                                | -                    | 3.000.000             | 3.000.000             | -                    |
| Các khoản phí, lệ phí                       | 5.242.192.097        | 46.038.516.701        | 45.303.791.592        | 5.976.917.206        |
| <b>Cộng</b>                                 | <b>8.645.402.939</b> | <b>53.030.739.581</b> | <b>54.449.248.271</b> | <b>7.226.894.250</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng

- *Cung cấp nước* : 5%
- *Lắp đặt, di dời đồng hồ và các dịch vụ khác* : 10%

- Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.8.

- Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp thuế môn bài hàng năm theo qui định.

#### 16. Chi phí phải trả

|                                                                                                                              | <u>Số dư 30/9/2012</u> | <u>Số dư 01/01/2012</u> |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-------------------------|
| Trích trước chi phí thuê thực hiện các công trình cải tạo và phát triển mạng lưới ống nước nghiệm thu nhưng chưa quyết toán. | 8.656.924.928          | 8.655.558.033           |
| Trích trước chi phí gắn đồng hồ nước và các dịch vụ khác                                                                     | 2.775.240.937          | 2.118.105.840           |
| <b>Cộng</b>                                                                                                                  | <b>11.432.165.865</b>  | <b>10.773.663.873</b>   |

#### 17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

|                                                         |                       |                       |
|---------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Kinh phí công đoàn, các khoản bảo hiểm phải nộp         | 212.119.934           | 92.489.801            |
| Bảo lãnh thực hiện hợp đồng                             | 734.245.807           | 392.540.351           |
| Phải trả TCT CP xây dựng cơ bản dở dang tài sản cố định | 7.875.467.243         | 7.767.384.755         |
| Phải trả khác Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn             | 14.035.116.645        | 14.604.954.638        |
| Phí bảo vệ môi trường được giữ lại để chi               | 157.833.740           | 2.888.565             |
| Cổ tức phải trả cho cổ đông                             | 826.585.580           | 624.073.880           |
| Khu quản lý giao thông đô thị số 1                      | 2.503.231.722         | 2.503.231.722         |
| Khu quản lý giao thông đô thị số 4                      | 6.180.598.889         | 6.180.598.889         |
| Ban Quản Lý Dự Án Thoát Nước Đô Thị                     | 2.232.148.000         | 2.232.148.000         |
| Phải trả khác                                           | 1.259.019.161         | 258.406.723           |
| <b>Cộng</b>                                             | <b>36.016.366.721</b> | <b>34.658.717.324</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

|                                                | Số dư<br>01/01/2012  | Tăng do trích<br>lập từ lợi<br>nhuận | Tăng khác         | Chi quỹ trong<br>kỳ  | Số dư<br>30/09/2012  |
|------------------------------------------------|----------------------|--------------------------------------|-------------------|----------------------|----------------------|
| Quỹ khen thưởng                                | 725.791.280          | 1.744.537.912                        | 35.000.000        | 1.244.870.904        | 1.260.458.288        |
| Quỹ phúc lợi                                   | 225.002.891          | 1.744.537.912                        | -                 | 1.418.260.400        | 551.280.403          |
| Quỹ thưởng Ban<br>Quản lý điều hành<br>Công ty | 472.378.037          | 498.439.404                          | -                 | 970.817.441          | -                    |
| <b>Cộng</b>                                    | <b>1.423.172.208</b> | <b>3.987.515.228</b>                 | <b>35.000.000</b> | <b>3.633.948.745</b> | <b>1.811.738.691</b> |

### 19. Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác

|                                                                                                                                  | Số dư 30/9/2012       | Số dư 01/01/2012      |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Khoản vốn ứng để gắn đồng hồ nước của khách hàng<br>theo các hợp đồng phát triển ống cái cấp 3 thời hạn<br>hoàn trả trong 10 năm | 16.390.779.565        | 14.961.245.641        |
| <b>Cộng</b>                                                                                                                      | <b>16.390.779.565</b> | <b>14.961.245.641</b> |

### 20. Vay và nợ dài hạn

|                                                 | Số dư<br>01/01/2012  | Vay thêm<br>trong kỳ | Thanh toán<br>trong kỳ | Số dư<br>30/09/2012  |
|-------------------------------------------------|----------------------|----------------------|------------------------|----------------------|
| Hợp đồng 4198/HĐVV ngày 24<br>tháng 08 năm 2007 | 92.826.111           | -                    | 13.714.000             | 79.112.111           |
| Hợp đồng 4371/HĐVV ngày 05<br>tháng 09 năm 2007 | 1.324.391.191        | -                    | 174.998.000            | 1.149.393.191        |
| Hợp đồng 1389/HĐVV ngày 03<br>tháng 04 năm 2008 | 1.869.704.927        | -                    | 285.156.000            | 1.584.548.927        |
| Hợp đồng 1390/HĐVV ngày 03<br>tháng 04 năm 2008 | 748.790.616          | -                    | 92.600.000             | 656.190.616          |
| Hợp đồng 1388/HĐVV ngày 03<br>tháng 04 năm 2008 | 3.248.547.665        | 247.750.158          | 316.000.000            | 3.180.297.823        |
| Hợp đồng 4742/HĐVV ngày 11<br>tháng 11 năm 2009 | 474.331.309          | -                    | 39.213.610             | 435.117.699          |
| Hợp đồng 2363/HĐVV ngày 05<br>tháng 08 năm 2010 | 105.916.235          | -                    | 6.052.356              | 99.863.879           |
| <b>Cộng</b>                                     | <b>7.864.508.054</b> | <b>247.750.158</b>   | <b>927.733.966</b>     | <b>7.184.524.246</b> |

Các khoản vay dài hạn Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn chi tiết như sau:

- Hợp đồng vay : Số HĐ 4198/ HĐVV - TCT - KTTC ngày 24 tháng 08 năm 2007
  - + Hạn mức vay : 246.869.000 VND
  - + Lãi vay : 5,4%/năm
  - + Thời hạn vay : 10 năm
  - + Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
  - + Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2012

#### Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

- *Hợp đồng vay* : *Số HĐ 4371/HĐVV - TCT - KTTC ngày 05 tháng 09 năm 2007*
  - + Hạn mức vay : 3.149.964.000 VND
  - + Lãi vay : 8,4%/năm
  - + Thời hạn vay : 10 năm
  - + Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
  - + Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- *Hợp đồng vay 2008* : *Số Hợp đồng 1389/HĐVV- TCT - KTTC ngày 03 tháng 04 năm 2008*
  - + Số tiền vay : 5.132.808.000 VND
  - + Lãi vay : 8,4%/năm
  - + Thời hạn vay : 10 năm
  - + Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
  - + Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- *Hợp đồng vay 2008* : *Số Hợp đồng 1390/HĐVV- TCT - KTTC ngày 03 tháng 04 năm 2008*
  - + Số tiền vay : 1.666.800.000 VND
  - + Lãi vay : 8,4%/năm
  - + Thời hạn vay : 10 năm
  - + Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
  - + Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- *Hợp đồng vay 2008* : *Số Hợp đồng 1388/HĐVV - CT - KTTC ngày 03 tháng 04 năm 2008*
  - + Số tiền vay : 5.688.000.000 VND
  - + Lãi vay : 8,4%/năm
  - + Thời hạn vay : 10 năm
  - + Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
  - + Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2012

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

- *Hợp đồng vay 2009* : *Số Hợp đồng 4742/HĐVV - TCT – KTTC ngày 11 tháng 11 năm 2009*
  - + Số tiền vay : 705.845.000 VND
  - + Lãi vay : 8,4%/năm
  - + Thời hạn vay : 10 năm
  - + Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
  - + Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay
- *Hợp đồng vay 2010* : *Số Hợp đồng 2363/HĐVV - TCT – KTTC ngày 05 tháng 08 năm 2010*
  - + Số tiền vay : 108.942.413 VND
  - + Lãi vay : 8,4%/năm
  - + Thời hạn vay : 10 năm
  - + Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
  - + Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay

# **CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP NƯỚC CHỢ LỚN**

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

9 tháng đầu năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## **21. Vốn chủ sở hữu**

Tình hình biến động của vốn chủ sở hữu trong năm

|                           | Vốn đầu tư<br>của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát<br>triển | Quỹ dự phòng<br>tài chính | Quỹ khác      | Lợi nhuận sau<br>thuế chưa phân<br>phối | Cộng                   |
|---------------------------|------------------------------|--------------------------|---------------------------|---------------|-----------------------------------------|------------------------|
| <b>Số đầu năm trước</b>   | 130.000.000.000              | 8.944.426.703            | 3.775.200.247             | 332.778.038   | 19.201.567.294                          | 162.253.972.282        |
| Tăng vốn trong năm trước  | -                            | -                        | -                         | -             | -                                       | -                      |
| Lãi trong năm trước       | -                            | -                        | -                         | -             | 27.283.511.391                          | 27.283.511.391         |
| Tăng khác                 | -                            | 6.436.786.788            | -                         | -             | -                                       | 6.436.786.788          |
| Trích lập quỹ năm trước   | -                            | 2.271.139.628            | 1.747.331.496             | -             | (6.114.802.620)                         | (2.096.331.496)        |
| Chia cổ tức năm trước     | -                            | -                        | -                         | -             | (13.000.000.000)                        | (13.000.000.000)       |
| Chi quỹ năm trước         | -                            | -                        | -                         | (332.778.038) | -                                       | (332.778.038)          |
| Giảm khác                 | -                            | -                        | -                         | -             | (2.361.541.214)                         | (2.361.541.214)        |
| <b>Số cuối năm trước/</b> | <b>130.000.000.000</b>       | <b>17.652.353.119</b>    | <b>5.522.531.743</b>      | <b>-</b>      | <b>25.008.734.851</b>                   | <b>178.183.619.713</b> |
| <b>Số dư 01/01/2012</b>   | <b>-</b>                     | <b>-</b>                 | <b>-</b>                  | <b>-</b>      | <b>-</b>                                | <b>-</b>               |
| Tăng vốn trong năm        | -                            | -                        | -                         | -             | 13.037.328.837                          | 13.037.328.837         |
| Lãi 9 tháng đầu năm       | -                            | -                        | -                         | -             | -                                       | -                      |
| Tăng khác                 | -                            | -                        | -                         | -             | -                                       | -                      |
| Trích lập quỹ kỳ này      | -                            | 892.257.931              | 2.492.197.018             | -             | (7.371.970.179)                         | (3.987.515.230)        |
| Chia cổ tức kỳ này        | -                            | -                        | -                         | -             | (17.550.000.000)                        | (17.550.000.000)       |
| Chi quỹ năm trước         | -                            | -                        | -                         | -             | -                                       | -                      |
| Giảm khác                 | -                            | -                        | -                         | -             | -                                       | -                      |
| <b>Số dư 30/09/2012</b>   | <b>130.000.000.000</b>       | <b>18.544.611.050</b>    | <b>8.014.728.761</b>      | <b>-</b>      | <b>13.124.093.509</b>                   | <b>169.683.433.320</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày 20 tháng 04 năm 2012, căn cứ theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHCD quyết định phân phối lợi nhuận năm 2011 công bố chia cổ tức theo tỷ lệ 13,5% trên vốn chủ sở hữu với số tiền tương đương là 17.550.000.000 VND (năm 2010: 13.000.000.000 VND).

#### Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

|                                | Số dư 30/9/2012        | Số dư 01/01/2012       |
|--------------------------------|------------------------|------------------------|
| Vốn góp của Nhà nước           | 66.304.000.000         | 66.304.000.000         |
| Vốn góp của các đối tượng khác | 63.696.000.000         | 63.696.000.000         |
| <b>Cộng</b>                    | <b>130.000.000.000</b> | <b>130.000.000.000</b> |

#### Cổ phiếu

|                                          | Số dư 30/9/2012   | Số dư 01/01/2012  |
|------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| - Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành    | 13.000.000        | 13.000.000        |
| - Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 13.000.000        | 13.000.000        |
| + <i>Cổ phiếu phổ thông</i>              | <i>13.000.000</i> | <i>13.000.000</i> |
| + <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>                 | -                 | -                 |
| - Số lượng cổ phiếu được mua lại         | -                 | -                 |
| + <i>Cổ phiếu phổ thông</i>              | -                 | -                 |
| + <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>                 | -                 | -                 |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        | 13.000.000        | 13.000.000        |
| + <i>Cổ phiếu phổ thông</i>              | <i>13.000.000</i> | <i>13.000.000</i> |
| + <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>                 | -                 | -                 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu

|                                               | 9 tháng đầu năm 2012   | 9 tháng đầu năm 2011   |
|-----------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i> |                        |                        |
| Doanh thu cung cấp nước                       | 472.868.340.043        | 410.061.963.885        |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ                    | 8.519.792.143          | 10.176.361.583         |
|                                               | <b>481.388.132.186</b> | <b>420.238.325.468</b> |
| <i>Các khoản giảm trừ</i>                     |                        |                        |
| Hàng bán bị trả lại                           | (179.343.888)          | (212.499.561)          |
| Hàng bán bị trả lại cung cấp nước             | (14.497.000)           | (31.187.575)           |
| Hàng bán bị trả lại cung cấp dịch vụ          | (164.846.888)          | (181.311.986)          |
|                                               | <b>(179.343.888)</b>   | <b>(212.499.561)</b>   |
| <b>Doanh thu thuần</b>                        | <b>481.208.788.298</b> | <b>420.025.825.907</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 2. Giá vốn hàng bán

|                                 | 9 tháng đầu<br>năm 2012 | 9 tháng đầu<br>năm 2011 |
|---------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Giá vốn cung cấp nước (*)       | 445.804.273.517         | 375.493.333.751         |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 4.651.384.477           | 5.159.181.547           |
| <b>Cộng</b>                     | <b>450.455.657.994</b>  | <b>380.652.515.298</b>  |

(\*) Chi tiết giá vốn cung cấp nước trong năm như sau:

|                                                |                        |                        |
|------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp              | 342.071.881.245        | 293.461.945.923        |
| Chi phí nhân công trực tiếp                    | 24.504.316.265         | 23.892.543.977         |
| Chi phí sản xuất chung                         | 79.228.076.007         | 58.138.843.851         |
| <b>Tổng chi phí sản xuất</b>                   | <b>445.804.273.517</b> | <b>375.493.333.751</b> |
| Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | -                      | -                      |
| <b>Tổng giá thành sản phẩm</b>                 | <b>445.804.273.517</b> | <b>375.493.333.751</b> |
| Chênh lệch tồn kho thành phẩm                  | -                      | -                      |
| <b>Giá vốn nước đã cung cấp</b>                | <b>445.804.273.517</b> | <b>375.493.333.751</b> |

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

|                           |                      |                      |
|---------------------------|----------------------|----------------------|
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn    | 4.335.981.465        | 5.039.502.789        |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 252.001.599          | 342.720.635          |
| <b>Cộng</b>               | <b>4.587.983.064</b> | <b>5.382.223.424</b> |

### 4. Chi phí tài chính

|              |                    |                    |
|--------------|--------------------|--------------------|
| Lãi tiền vay | 454.951.960        | 605.793.909        |
| <b>Cộng</b>  | <b>454.951.960</b> | <b>605.793.909</b> |

### 5. Chi phí bán hàng

|                           |                      |                      |
|---------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí nhân viên         | 5.273.904.024        | 3.857.496.950        |
| Chi phí công cụ dụng cụ   | 20.542.000           | 186.493.663          |
| Chi phí khấu hao          | 147.797.424          | 109.531.950          |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.351.877.114        | 425.132.527          |
| <b>Cộng</b>               | <b>6.794.120.562</b> | <b>4.578.655.090</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

|                           | 9 tháng đầu<br>năm 2012 | 9 tháng đầu<br>năm 2011 |
|---------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Chi phí nhân viên         | 6.780.131.298           | 6.465.975.499           |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 689.720.166             | 1.380.470.494           |
| Chi phí khấu hao          | 1.079.307.043           | 746.213.067             |
| Thuế, phí và lệ phí       | 7.224.500               | 200.931.700             |
| Chi phí dự phòng          | (6.396.260)             |                         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.516.295.218           | 5.303.129.172           |
| Chi phí bằng tiền khác    | 1.658.519.889           | 1.808.783.712           |
| <b>Cộng</b>               | <b>11.724.801.854</b>   | <b>15.905.503.644</b>   |

### 7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác

|                                          |                    |                    |
|------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Thu hồ sơ mời thầu                       | 96.545.460         | 44.727.271         |
| Khách hàng đầu tư không hoàn vốn ổng cái | 141.979.110        | 35.378.234         |
| Thu thanh lý vật tư, CCDC                | 106.449.480        | 13.518.182         |
| Thu phạt vi phạm theo tiến độ hợp đồng   | 93.343.691         | 165.117.968        |
| Thu nhập khác                            | 74.603.971         | 39.922.839         |
| <b>Thu nhập khác</b>                     | <b>512.921.712</b> | <b>298.664.494</b> |
|                                          | -                  | -                  |
| Chi phí hồ sơ mời thầu                   | 40.263.797         | 35.563.636         |
| Xử lý nguyên vật liệu thiếu              | 2                  | 130.613.575        |
| Xử lý công nợ không thu hồi được         | -                  | -                  |
| Phạt chậm nộp                            | 147.532.787        | -                  |
| Chi phí thanh lý                         | 69.727.268         | -                  |
| Chi phí khác                             | 41.615.568         | 88.101.446         |
| <b>Chi phí khác</b>                      | <b>299.139.422</b> | <b>254.278.657</b> |
|                                          | -                  | -                  |
| <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác</b> | <b>213.782.290</b> | <b>44.385.837</b>  |

### 8. Thuế thu nhập doanh nghiệp

|                                                              | 9 tháng đầu<br>năm 2012 | 9 tháng đầu<br>năm 2011 |
|--------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế                                   | 16.581.021.282          | 23.709.967.228          |
| Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế                            | -                       | -                       |
| Trừ: Thu nhập không chịu thuế                                | -                       | -                       |
| Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ                  | -                       | -                       |
| <b>Thu nhập chịu thuế</b>                                    | <b>16.581.021.282</b>   | <b>23.709.967.228</b>   |
| Trong đó: + Thu nhập từ hoạt động kinh doanh nước sạch (20%) | 12.031.257.527          | 18.626.078.602          |
| + Thu nhập từ thu nhập khác (25%)                            | 4.549.763.755           | 5.083.888.626           |

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

9 tháng đầu năm 2012

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

|                                                          | 9 tháng đầu<br>năm 2012 | 9 tháng đầu<br>năm 2011 |
|----------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất áp dụng</b> | <b>4.145.255.321</b>    | <b>5.927.491.807</b>    |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm                     | (601.562.876)           | (2.793.911.790)         |
| Bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước     | -                       | -                       |
| <b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>      | <b>3.543.692.445</b>    | <b>3.164.571.088</b>    |

Đối với hoạt động chính của Công ty thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư, do đó Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 10 năm và với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo.

Đối với hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Năm 2007 là năm đầu tiên Công ty kinh doanh có lãi.

Năm 2012 là năm Công ty đã hết ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chính của Công ty và là năm thứ sáu Công ty được tính theo mức thuế suất ưu đãi 20% trên thu nhập tính thuế.

### 9. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

|                                                                                                                             | 9 tháng đầu<br>năm 2012 | 9 tháng đầu<br>năm 2011 |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Lợi nhuận sau thuế                                                                                                          | 13.037.328.837          | 20.545.396.140          |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:      | -                       | -                       |
| - Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi                                                                                                | -                       | -                       |
| - Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu với giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi | -                       | -                       |
| - Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu | -                       | -                       |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông                                                                     | 13.037.328.837          | 20.545.396.140          |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm                                                                        | 13.000.000              | 13.000.000              |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                                                                                             | <b>1.003</b>            | <b>1.580</b>            |



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

|                                  | 9 tháng đầu<br>năm 2012 | 9 tháng đầu<br>năm 2011 |
|----------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 30.648.526.482          | 13.039.079.430          |
| Chi phí nhân công                | 46.074.832.532          | 39.242.931.461          |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 24.091.006.336          | 20.869.595.495          |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 26.088.333.815          | 34.523.121.722          |
| Cộng                             | <u>126.902.699.165</u>  | <u>107.674.728.108</u>  |

### VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

#### 1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

|                                                    | Năm nay        | Năm trước     |
|----------------------------------------------------|----------------|---------------|
| Mua sắm/ xây dựng tài sản trong kỳ chưa thanh toán | 19.062.208.082 | 2.918.192.840 |
| Cổ tức chưa thanh toán                             | 826.585.580    | 624.073.880   |
| Lãi tiền gửi còn dự thu                            | -              | 924.384.827   |

#### 2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

|                                                                     | Năm nay     | Năm trước |
|---------------------------------------------------------------------|-------------|-----------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng còn dự thu cuối kỳ trước đã thu trong kỳ này | 922.384.997 | -         |

### IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

##### Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| Bên liên quan                            | Mối quan hệ                          |
|------------------------------------------|--------------------------------------|
| Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn            | Công ty mẹ (nắm giữ 51% vốn Điều lệ) |
| Công ty CP cấp nước Bến Thành            | Công ty cùng tập đoàn                |
| Công ty TNHH MTV cấp nước Tân Hòa        | Công ty cùng tập đoàn                |
| Chi nhánh cấp nước Trung An              | Công ty cùng tập đoàn                |
| Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức         | Công ty cùng tập đoàn                |
| Công ty Công trình giao Thông Công Chánh | Công ty cùng tập đoàn                |

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| Bên liên quan                                                                               | Mối quan hệ           |                       |
|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Công ty CP Cơ khí Công trình Cấp nước                                                       | Công ty cùng tập đoàn |                       |
| Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước                                                         | Công ty cùng tập đoàn |                       |
| Công ty CP Cấp nước Phú Hòa Tân                                                             | Công ty cùng tập đoàn |                       |
| Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:                |                       |                       |
|                                                                                             | 09 tháng đầu năm 2012 | 09 tháng đầu năm 2011 |
| <b>Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn</b>                                                        |                       |                       |
| Mua hàng hoá                                                                                | 403.107.549.879       | 322.221.912.725       |
| Thanh toán tiền hàng                                                                        | 372.070.420.906       | 291.015.212.370       |
| Vay dài hạn                                                                                 | 247.750.158           | 122.111.314           |
| Đã trả                                                                                      | 927.733.966           | 2.938.633.729         |
| Phải trả chi phí XDCB và TSCĐ                                                               | 5.204.647.804         | 4.984.046.193         |
| Đã trả                                                                                      | 5.666.403.309         | 681.704.558           |
| Phải thu các khoản chi hộ                                                                   | 282.079.503           | 241.531.826           |
| Đã thu                                                                                      | 252.203.035           | 143.930.350           |
| Nhượng bán vật tư                                                                           | 171.732.712           | -                     |
| Đã thu                                                                                      | 171.732.712           | -                     |
| <b>Công ty TNHH MTV Cấp nước Tân Hòa</b>                                                    |                       |                       |
| Mượn vật tư                                                                                 | -                     | 160.610.821           |
| Đã trả vật tư                                                                               | -                     | 196.895.788           |
| <b>Công ty TNHH MTV Cấp nước Trung An</b>                                                   |                       |                       |
| Đã trả vật tư                                                                               | -                     | 23.400.000            |
| <b>Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức</b>                                                     |                       |                       |
| Đã trả vật tư                                                                               | -                     | 214.491.600           |
| <b>Công ty Công trình giao Thông Công Chánh</b>                                             |                       |                       |
| Phải trả chi phí thực hiện công trình XDCB                                                  | -                     | 960.247               |
| Đã trả chi phí thực hiện công trình XDCB                                                    | 43.391.855            | 390.526.690           |
| <b>Công ty Cổ phần cơ khí Công Trình Cấp Nước</b>                                           |                       |                       |
| Phải trả phí thực hiện công trình XDCB, gia công                                            |                       |                       |
| Đồng hồ nước                                                                                | 3.013.814.922         | 10.216.484.971        |
| Đã trả                                                                                      | 2.173.406.506         | 8.272.888.937         |
| <b>Công ty Cổ phần Tư vấn XD Cấp Nước</b>                                                   |                       |                       |
| Phải trả phí thực hiện lập Báo cáo đầu tư và khảo sát, thiết kế, tư vấn giám sát công trình | 526.122.999           | 201.740.278           |
| Đã trả                                                                                      | 1.059.570.070         | 281.314.138           |



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN**

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

9 tháng đầu năm 2012

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

|                                                   | <b>Số cuối kỳ</b>     | <b>Số đầu năm</b>     |
|---------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn</b>              |                       |                       |
| <b>Nợ phải thu</b>                                | <b>2.922.745.497</b>  | <b>3.003.092.729</b>  |
| Phải thu khác                                     |                       | 50.457.764            |
| -----Phải thu các khoản chi hộ giai đoạn trước CP | 2.872.765.106         | 2.872.765.106         |
| Phải thu các khoản chi hộ giai đoạn sau CP        | 49.980.391            | 79.856.859            |
| <b>Nợ phải trả</b>                                | <b>60.189.605.843</b> | <b>30.344.686.947</b> |
| Phải trả tiền mua nước và vật tư ngành nước       | 30.986.658.209        | -                     |
| Phải trả khác                                     | 21.910.583.888        | 22.372.339.393        |
| Phải trả tiền vay                                 | 7.184.524.246         | 7.864.508.054         |
| Ứng trước thi công trụ cứu hỏa                    | 107.839.500           | 107.839.500           |

**Công ty TNHH MTV Cấp nước Tân Hòa**

Phải thu về việc cho mượn vật tư

(2)

Phải trả về việc mượn vật tư

**Công ty Công trình giao Thông Công Chánh**

Phải trả tiền đặt cọc di dời đường ống

30.000.000

30.000.000

Phải trả chi phí thực hiện công trình XD CB

-

43.391.855

**Công ty Cổ phần cơ khí Công Trình Cấp Nước**

Ứng trước tiền thực hiện công trình XD CB, gia công

Đồng hồ nước

868,075,619

1.708.484.035

Phải trả tiền nước súc xả đường ống công trình

34.541.452

**Công ty Cổ phần Tư vấn XD Cấp Nước**

Ứng trước phí thực hiện lập Báo cáo đầu tư và khảo sát, thiết kế, tư vấn giám sát công trình

742.940.207

209.493.136

**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên qua**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm như sau:

|                             | <b>09 tháng đầu năm<br/>2012</b> | <b>09 tháng đầu năm<br/>2011</b> |
|-----------------------------|----------------------------------|----------------------------------|
| Tiền lương                  | 845.284.715                      | 575.064.054                      |
| Các khoản bảo hiểm phải trả | 17.008.967                       | 10.494.138                       |
| <b>Cộng</b>                 | <b>862.293.682</b>               | <b>585.558.192</b>               |

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

#### Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động: Bộ phận cung cấp nước sạch và Bộ phận lắp đặt, di dời đồng hồ và các dịch vụ khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo hai bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của hai bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận cung cấp nước sạch: Mua và phân phối nước sạch.

Bộ phận lắp đặt, di dời đồng hồ và các dịch vụ khác: Dịch vụ gắn mới, di dời, mở nước, bấm trị, tái lập mặt đường ...

Thông tin về tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

|                              | Nước sạch       | Dịch vụ     | Không phân<br>bổ | Cộng                   |
|------------------------------|-----------------|-------------|------------------|------------------------|
| <b>Số dư 30/09/2012</b>      |                 |             |                  |                        |
| <b>Tài sản</b>               |                 |             |                  |                        |
| Tài sản bộ phận              | 319.119.825.999 | 168.584.782 | -                | 319.288.410.781        |
| Tài sản không phân bổ        |                 |             | 92.297.800       | 92.297.800             |
| <b>Tổng tài sản</b>          |                 |             |                  | <b>319.380.708.581</b> |
| <b>Nợ phải trả</b>           |                 |             |                  |                        |
| Nợ phải trả bộ phận          | 128.725.388.094 | 737.910.000 | -                | 129.463.298.094        |
| Nợ phải trả phân bổ          | 17.206.572.909  | 708.193.376 | -                | 17.914.766.285         |
| Nợ phải trả không phân<br>bổ |                 |             | 2.319.210.882    | 2.319.210.882          |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>      |                 |             |                  | <b>149.697.275.261</b> |
| <b>Số dư 01/01/2012</b>      |                 |             |                  |                        |
| <b>Tài sản</b>               |                 |             |                  |                        |
| Tài sản bộ phận              | 275.792.605.083 | 708.867.137 | -                | 276.501.472.220        |
| Tài sản không phân bổ        |                 |             | 27.080.000       | 27.080.000             |
| <b>Tổng tài sản</b>          |                 |             |                  | <b>276.528.552.220</b> |
| <b>Nợ phải trả</b>           |                 |             |                  |                        |
| Nợ phải trả bộ phận          | 74.137.117.917  | 602.615.865 | -                | 74.739.733.782         |
| Nợ phải trả phân bổ          | 21.014.627.863  | 512.259.713 | -                | 21.526.887.576         |
| Nợ phải trả không phân<br>bổ |                 |             | 2.078.311.149    | 2.078.311.149          |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>      |                 |             |                  | <b>98.344.932.507</b>  |



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

9 tháng đầu năm 2012

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

|                                              | Nước sạch             | Dịch vụ              | Không phân<br>bổ     | Cộng                  |
|----------------------------------------------|-----------------------|----------------------|----------------------|-----------------------|
| <b>9 tháng đầu năm<br/>2012</b>              |                       |                      |                      |                       |
| Doanh thu bộ phận                            | 472.853.843.043       | 8.354.945.255        | -                    | 481.208.788.298       |
| Chi phí hoạt động<br>phân bổ                 | (464.001.662.772)     | (4.972.917.638)      | -                    | (468.974.580.410)     |
| Chi phí lãi vay                              | (454.951.960)         | -                    | -                    | (454.951.960)         |
| <b>Lợi nhuận từ hoạt<br/>động kinh doanh</b> | <b>8.397.228.311</b>  | <b>3.382.027.617</b> | -                    | <b>11.779.255.928</b> |
| Doanh thu tài chính                          |                       |                      | 4.587.983.064        | 4.587.983.064         |
| Lãi khác                                     |                       |                      | 213.782.290          | 213.782.290           |
| <b>Lợi nhuận trước<br/>thuế</b>              |                       |                      | <b>4.801.765.354</b> | <b>16.581.021.282</b> |
| Chi phí thuế thu<br>nhập doanh nghiệp        |                       |                      | (3.543.692.445)      | (3.543.692.445)       |
| <b>Lợi nhuận trong kỳ</b>                    |                       |                      |                      | <b>13.037.328.837</b> |
|                                              | Nước sạch             | Dịch vụ              | Không phân<br>bổ     | Cộng                  |
| <b>9 tháng đầu năm<br/>2011</b>              |                       |                      |                      |                       |
| Doanh thu bộ phận                            | 410.030.776.310       | 9.995.049.597        | -                    | 420.025.825.907       |
| Chi phí hoạt động<br>phân bổ                 | (395.490.045.833)     | (5.646.628.199)      | -                    | (401.136.674.032)     |
| Chi phí lãi vay                              | (605.793.909)         | -                    | -                    | (605.793.909)         |
| <b>Lợi nhuận từ hoạt<br/>động kinh doanh</b> | <b>13.934.936.568</b> | <b>4.348.421.398</b> | -                    | <b>18.283.357.966</b> |
| Doanh thu tài chính                          |                       |                      | 5.382.223.424        | 5.382.223.424         |
| Lãi khác                                     |                       |                      | 44.385.837           | 44.385.837            |
| <b>Lợi nhuận trước<br/>thuế</b>              |                       |                      | <b>5.426.609.261</b> | <b>23.709.967.227</b> |
| Chi phí thuế thu<br>nhập doanh nghiệp        |                       |                      | (3.164.571.088)      | (3.164.571.088)       |
| <b>Lợi nhuận trong kỳ</b>                    |                       |                      |                      | <b>20.545.396.140</b> |

### *Bộ phận theo khu vực địa lý*

Toàn bộ hoạt động của Công ty đều diễn ra ở khu vực hoạt động kinh doanh của Công ty (thành phố Hồ Chí Minh).

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 3. Công cụ tài chính

#### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại các Thuyết minh số V.20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

#### Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

#### Các loại công cụ tài chính

|                                    | Giá trị sổ sách        |                       |
|------------------------------------|------------------------|-----------------------|
|                                    | Số dư 30/09/2012       | Số dư 01/01/2012      |
| <b>Tài sản tài chính</b>           |                        |                       |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 52.383.187.870         | 71.714.690.471        |
| Đầu tư ngắn hạn                    | 5.000.000.000          | 4.000.000.000         |
| Phải thu khách hàng                | 17.512.484.136         | 2.851.527.567         |
| Các khoản phải thu khác            | 4.339.941.083          | 4.470.059.080         |
| Ký quỹ ngắn hạn                    | 151.533.987            | 279.280.265           |
| Đầu tư dài hạn khác                | 8.330.000              | 7.080.000             |
| <b>Cộng</b>                        | <b>79.395.477.076</b>  | <b>83.322.637.383</b> |
| <b>Nợ phải trả tài chính</b>       |                        |                       |
| Vay và nợ                          | 7.184.524.246          | 7.864.508.054         |
| Phải trả cho người bán             | 51.500.580.915         | 5.175.486.287         |
| Chi phí phải trả                   | 11.432.165.865         | 10.773.663.873        |
| Các khoản phải trả khác            | 51.210.607.032         | 48.900.510.719        |
| <b>Cộng</b>                        | <b>121.327.878.058</b> | <b>72.714.168.933</b> |

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

#### Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tính dụng và rủi ro thanh khoản.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

9 tháng đầu năm 2012

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### ***Rủi ro thị trường***

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Do Công ty hoạt động kinh chính ở Bộ phận cung cấp nước sạch, cho nên Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của thị trường.

### ***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là thu tiền ngay, công nợ phải thu không đáng kể, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào đối với các khoản phải thu khách hàng.

### ***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng trình bày dòng tiền của các khoản gốc:

|                         | <b>Từ 1 năm trở<br/>xuống</b> | <b>Trên 1 năm đến<br/>5 năm</b> | <b>Trên 5 năm</b>  | <b>Cộng</b>            |
|-------------------------|-------------------------------|---------------------------------|--------------------|------------------------|
| <b>Số dư 30/09/2012</b> |                               |                                 |                    |                        |
| Vay và nợ               | 1.855.467.932                 | 5.226.436.573                   | 102.619.741        | 7.184.524.246          |
| Phải trả cho người bán  | 51.500.580.915                | -                               | -                  | 51.500.580.915         |
| Chi phí phải trả        | 11.432.165.865                | -                               | -                  | 11.432.165.865         |
| Các khoản phải trả khác | 34.819.827.467                | 16.390.779.565                  | -                  | 51.210.607.032         |
| <b>Cộng</b>             | <b>99.608.042.179</b>         | <b>21.617.216.138</b>           | <b>102.619.741</b> | <b>121.327.878.058</b> |
| <b>Số dư 01/01/2012</b> |                               |                                 |                    |                        |
| Vay và nợ               | 1.855.467.932                 | 5.792.904.573                   | 216.135.549        | 7.864.508.054          |
| Phải trả cho người bán  | 5.175.486.287                 | -                               | -                  | 5.175.486.287          |
| Chi phí phải trả        | 10.773.663.873                | -                               | -                  | 10.773.663.873         |

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

|                         | Từ 1 năm trở<br>xuống | Trên 1 năm đến<br>5 năm | Trên 5 năm         | Cộng                  |
|-------------------------|-----------------------|-------------------------|--------------------|-----------------------|
| Các khoản phải trả khác | 33.939.265.078        | 14.961.245.641          | -                  | 48.900.510.719        |
| <b>Cộng</b>             | <b>51.743.883.170</b> | <b>20.754.150.214</b>   | <b>216.135.549</b> | <b>72.714.168.933</b> |

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

|                                    | Từ 1 năm trở<br>xuống | Trên 1 năm đến<br>5 năm | Trên 5 năm | Cộng                  |
|------------------------------------|-----------------------|-------------------------|------------|-----------------------|
| <b>Số dư 30/09/2012</b>            |                       |                         |            |                       |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 52.383.187.870        | -                       | -          | 52.383.187.870        |
| Đầu tư ngắn hạn                    | 5.000.000.000         | -                       | -          | 5.000.000.000         |
| Phải thu khách hàng                | 17.512.484.136        | -                       | -          | 17.512.484.136        |
| Các khoản phải thu khác            | 4.339.941.083         | -                       | -          | 4.339.941.083         |
| Ký quỹ ngắn hạn                    | 151.533.987           | -                       | -          | 151.533.987           |
| Đầu tư dài hạn                     | 8.330.000             | -                       | -          | 8.330.000             |
| <b>Cộng</b>                        | <b>79.395.477.076</b> | <b>-</b>                | <b>-</b>   | <b>79.395.477.076</b> |

#### Số dư 01/01/2012

|                                    |                       |          |          |                       |
|------------------------------------|-----------------------|----------|----------|-----------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 71.714.690.471        | -        | -        | 71.714.690.471        |
| Đầu tư ngắn hạn                    | 4.000.000.000         | -        | -        | 4.000.000.000         |
| Phải thu khách hàng                | 2.851.527.567         | -        | -        | 2.851.527.567         |
| Các khoản phải thu khác            | 4.470.059.080         | -        | -        | 4.470.059.080         |
| Ký quỹ ngắn hạn                    | 279.280.265           | -        | -        | 279.280.265           |
| Đầu tư dài hạn                     | 7.080.000             | -        | -        | 7.080.000             |
| <b>Cộng</b>                        | <b>83.322.637.383</b> | <b>-</b> | <b>-</b> | <b>83.322.637.383</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 4. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty

| Chỉ tiêu                                                                  | ĐVT | Tại ngày<br>30/9/2012           | Tại ngày<br>01/01/2012          |
|---------------------------------------------------------------------------|-----|---------------------------------|---------------------------------|
| <b>Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>                          |     |                                 |                                 |
| <b>Bố trí cơ cấu tài sản</b>                                              |     |                                 |                                 |
| Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản                                          | %   | 34,24                           | 38,90                           |
| Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản                                           | %   | 65,65                           | 61,10                           |
| <b>Bố trí cơ cấu nguồn vốn</b>                                            |     |                                 |                                 |
| Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn                                               | %   | 46,87                           | 35,56                           |
| Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn                                      | %   | 53,13                           | 64,44                           |
| <b>Khả năng thanh toán</b>                                                |     |                                 |                                 |
| Khả năng thanh toán hiện hành                                             | Lần | 2,13                            | 2,81                            |
| Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn                                           | Lần | 0,87                            | 1,44                            |
| Khả năng thanh toán nhanh                                                 | Lần | 0,42                            | 0,96                            |
|                                                                           |     | <b>9 tháng đầu<br/>năm 2012</b> | <b>9 tháng đầu<br/>năm 2011</b> |
| <b>Tỷ suất sinh lời</b>                                                   |     |                                 |                                 |
| <b>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</b>                                   |     |                                 |                                 |
| Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần                         | %   | 3,45                            | 5,64                            |
| Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần                           | %   | 2,71                            | 4,89                            |
| <b>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</b>                                |     |                                 |                                 |
| Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản<br>bình quân               | %   | 5,19                            | 8,37                            |
| Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản<br>bình quân                 | %   | 4,08                            | 7,26                            |
| <b>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở<br/>hữu bình quân</b> | %   | 7,68                            | 12,28                           |

### 5. Thông tin so sánh

Số liệu đầu năm của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2012



**LÊ TRỌNG HIẾU**  
Giám đốc

**LẠI THỊ THU**  
Kế toán trưởng

**VŨ THỊ NHƯ QUỲNH**  
Người lập biểu